

Bản án số: 53/2017/HS-ST
Ngày 25/12/2017

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỘC BÌNH, TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Bảy

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Chu Mạnh Dũng.
2. Ông Nguyễn Văn Hồng

- Thư ký phiên tòa: Bà Nông Thị Huyền Trang – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Phương Thảo - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 12 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn mở phiên tòa công khai xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 58/2017/HS-ST ngày 28 tháng 11 năm 2017 đối với bị cáo:

Nông Thị T (tên gọi khác: Không), sinh ngày 02/11/1988 tại huyện L, tỉnh Lạng Sơn. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở thôn K, xã S, huyện L, tỉnh Lạng Sơn; trình độ học vấn 12/12; dân tộc tày; nghề nghiệp làm ruộng; con ông Nông Văn V và bà Lành Thị H; có chồng là Lường Văn T và 01 con sinh năm 2012; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo tại ngoại, có mặt.

* *Người bị hại:* Anh Chu Văn T, sinh năm 1981, trú tại thôn N, xã B, huyện L, tỉnh Lạng Sơn. Có đơn xin xử vắng mặt.

* *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Anh Vũ Đình D, sinh năm 1986, trú tại thôn C, xã Y, huyện L, tỉnh Lạng Sơn. Có đơn xin xử vắng mặt.

NHẬN THẤY:

Bị cáo Nông Thị T bị Viện kiểm sát nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Khoảng 16 giờ ngày 04/9/2017, trong khi đang nói chuyện với chị Lường Thị N ở quán nước tại thị trấn L, huyện L, tỉnh Lạng Sơn thì bị cáo Nông Thị T nảy sinh ý định lợi dụng mối quan hệ họ hàng giữa bị cáo và anh Chu Văn T là chủ hộ của bị cáo để mượn xe mô tô của anh Chu Văn T mang đi cầm cố lấy tiền

tiêu sài cá nhân. Vì vậy, bị cáo Nông Thị T nói với chị Lương Thị N cùng mình đi đến nhà anh Chu Văn T mượn xe mô tô để mỗi người đi một xe về. Chị Lương Thị N đồng ý đi cùng bị cáo Nông Thị T đến nhà anh Chu Văn T. Khi còn cách nhà anh Chu Văn T khoảng 200m thì bị cáo Nông Thị T dừng xe lại để bị cáo vào mượn xe. Bị cáo vào nhà gặp anh Chu Văn T và nói “*Chú cho cháu mượn xe*”, anh Chu Văn T có hỏi “*mượn xe đi đâu*” thì bị cáo Nông Thị T trả lời “*cháu mượn ra đây một lát, xe cháu hỏng đang sửa gần đây*”, nghe thấy vậy anh Chu Văn T không nói gì thêm mà mở cốp xe lấy các giấy tờ bên trong ra, rồi đưa chìa khóa xe mô tô cho bị cáo Nông Thị T. Sau khi mượn được xe, chị Lương Thị N điều khiển xe mô tô của bị cáo Nông Thị T đi về nhà, còn bị cáo ở lại thị trấn L.

Đến khoảng 20 giờ 00 phút cùng ngày, bị cáo Nông Thị T điều khiển xe mô tô của anh Chu Văn T đi đến nhà anh Vũ Đình D vay 7 triệu đồng nhưng anh Vũ Đình D từ chối. Bị cáo Nông Thị T liền nói “*thế em để lại chiếc xe làm tin*”. Thấy vậy, anh Vũ Đình D hỏi lại là “*lấy bao nhiêu*”, bị cáo Nông Thị T trả lời “*lấy bảy triệu*”. Sau đó, anh Vũ Đình D đưa cho bị cáo Nông Thị T số tiền bảy triệu đồng, bị cáo Nông Thị T nhận tiền và đưa chìa khóa xe mô tô cho anh Vũ Đình D rồi ra đường bắt xe khách đi về nhà. Sau nhiều ngày không thấy bị cáo Nông Thị T quay lại trả xe mô tô, anh Chu Văn T đã liên lạc bằng điện thoại với bị cáo nhiều lần nhưng bị cáo Nông Thị T không nghe điện thoại, cũng không liên lạc lại. Vì thế, ngày 24/9/2017, anh Chu Văn T đã đến đồn Công an thị trấn N, huyện L, tỉnh Lạng Sơn trình báo sự việc. Bị cáo Nông Thị T tại Cơ quan điều tra đã thừa nhận hành vi lừa đảo chiếm đoạt xe mô tô của anh Chu Văn T.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 10/KL-HĐĐGTS ngày 13/10/2017 của Hội đồng định giá tài sản tổ tụng hình sự huyện L, tỉnh Lạng Sơn kết luận tài sản bị thiệt hại là xe mô tô HONDA WAVE α , màu sơn đen – bạc, biển kiểm soát 12L1 – 05197, giá trị tài sản là 11.700.000 đồng (mười một triệu bảy trăm nghìn đồng).

Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội nêu trên. Phần tranh luận, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn giữ nguyên quan điểm truy tố như Bản cáo trạng số 60/KSĐT – TA ngày 27/11/2017 và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Nông Thị T phạm tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản; áp dụng khoản 1 Điều 139, điểm h, l, p khoản 1, 2 Điều 46, Điều 60 của Bộ luật hình sự. Phạt bị cáo Nông Thị T từ 09 tháng đến 12 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 18 đến 24 tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, giao bị cáo cho chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú giám sát giáo dục trong thời gian thử thách.

Hình phạt bổ sung: Không đề nghị áp dụng hình phạt bổ sung.

Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không yêu cầu bị cáo phải bồi thường thiệt hại nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về xử lý vật chứng: Xác nhận Cơ quan điều tra đã trả lại xe mô tô cho chủ

sở hữu hợp pháp anh Chu Văn T là có căn cứ.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Bị cáo biết hành vi của mình là vi phạm pháp luật, hối hận về hành vi đã thực hiện và đề nghị Hội đồng xét xử cho hưởng mức án nhẹ nhất, được cải tạo tại địa phương.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên toà; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo, người bị hại.

XÉT THẤY:

Tại phiên tòa bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, lời nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với vật chứng vụ án, phù hợp với lời khai của người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và các tài liệu chứng cứ khác, đủ cơ sở kết luận: Ngày 04/9/2017, lợi dụng mối quan hệ họ hàng với anh Chu Văn T, bị cáo Nông Thị T đã có hành vi gian dối nhằm mục đích mượn xe mô tô của anh Chu Văn T để đặt, mượn tiền với anh Vũ Đình D 7.000.000 đồng nhằm chiếm đoạt tài sản.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến khách thể được pháp luật bảo vệ là quyền sở hữu về tài sản của công dân, làm giảm lòng tin giữa người với người nhất là giữa bị cáo với người chủ hộ của mình, qua đó làm mất an ninh, trật tự an toàn xã hội. Bị cáo là người đã đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự, có hiểu biết, nhận thức được hành vi của mình là nguy hiểm cho xã hội, thấy được hậu quả của hành vi nhưng vẫn cố ý thực hiện vì mục đích chiếm đoạt tài sản của người khác. Như vậy, đủ cơ sở để kết luận bị cáo Nông Thị T đã phạm tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều 139 của Bộ luật hình sự như Cáo trạng đã truy tố là có căn cứ đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo, thấy rằng: Ngoài tình tiết định khung hình phạt, bị cáo không có tình tiết tăng nặng nào khác. Về tình tiết giảm nhẹ, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, lần đầu phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, đang mang thai, người bị hại có đơn xin bãi nại đối với bị cáo, các tình tiết giảm nhẹ này được quy định tại các điểm h, l, p khoản 1, 2 Điều 46 của Bộ luật hình sự năm 1999. Về nhân thân, bị cáo là người có nhân thân tốt, trước lần phạm tội này chưa từng vi phạm pháp luật.

Từ những nhận định trên, thấy rằng cần phải xử phạt bị cáo mức án tương xứng với hành vi mà bị cáo thực hiện nhưng cần đảm bảo sự khoan hồng của pháp luật để bị cáo được cải tạo tại địa phương cũng đủ sức răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung cho xã hội như lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ cần chấp nhận.

Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không yêu cầu bị cáo phải bồi thường và không đề nghị xem xét nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về hình phạt bổ sung: Xét thấy bị cáo không có tài sản riêng, không có thu nhập ổn định nên không áp dụng.

Về vật chứng vụ án: Cơ quan điều tra trả lại 01 xe máy cho chủ sở hữu hợp pháp là anh Chu Văn T là có căn cứ nên không đặt ra để xem xét giải quyết.

Bị cáo phạm tội nên phải chịu án phí theo quy định của pháp luật. Bị cáo có quyền kháng cáo theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Nông Thị T phạm tội: Lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

Áp dụng khoản 1 Điều 139, điểm h, l, p khoản 1, 2 Điều 46; khoản 1, 2 Điều 60 Bộ luật hình sự.

Phạt bị cáo Nông Thị T 12 (mười hai) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 24 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm 25/12/2017. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã S, huyện L, tỉnh Lạng Sơn giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật thi hành án hình sự.

Không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo.

2. Về án phí: Căn cứ khoản 1, 2 Điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự, khoản 1 Điều 21, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội 14 quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, buộc bị cáo Nông Thị T phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm để sung công quỹ Nhà nước.

Bị cáo được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người bị hại anh Chu Văn T, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Vũ Đình D vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- Sở tư pháp tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND huyện Lộc Bình;
- Công an huyện Lộc Bình;
- Chi cục THADS huyện L;
- Bị cáo, người bị hại, người liên quan;
- UBND xã S;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Văn Bẩy